



Bài báo nghiên cứu
ẢNH HƯỞNG CỦA CHỦ NGHĨA BÁ QUYỀN PHÁP TRONG CÁC TÁC PHẨM
VIẾT VỀ AN NAM CỦA NGƯỜI PHÁP: NGHỆ THUẬT XỨ AN NAM
CỦA HENRI GOURDON, TÂM LÍ DÂN TỘC AN NAM CỦA PAUL GIRAN
VÀ BẮC KỲ TẬP LỤC CỦA HENRI EMMANUEL SOUVIGNET

Phạm Thị Thúy Hằng

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Phạm Thị Thúy Hằng – Email: hangpth@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 21-3-2025; Ngày nhận bài sửa: 07-7-2025; Ngày duyệt đăng: 28-10-2025

TÓM TẮT

Sự hiện diện của người Pháp tại An Nam từ năm 1858 và quá trình chiếm đóng, thuộc địa hóa Nam Kỳ trong giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX là một sự kiện lịch sử quan trọng. Họ tự xem mình là những đại diện cho nền văn minh đại Pháp thượng đẳng tại xứ thuộc địa với sứ mệnh khai hóa, đem văn minh đến cho một dân tộc mông muội. Chủ nghĩa bá quyền Pháp là một lý thuyết công cụ chi phối mọi hoạt động của người Pháp ở xứ thuộc địa An Nam. Dựa trên nền tảng lý thuyết về chủ nghĩa bá quyền và bá quyền văn hóa của Edward Wadie Said, bài viết phân tích các khía cạnh biểu hiện của chủ nghĩa bá quyền Pháp trong một vài tác phẩm tiêu biểu của người Pháp viết về An Nam cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX; từ đó kết luận về sự ảnh hưởng sâu sắc của chủ nghĩa bá quyền một cách có ý thức hoặc vô thức, thể hiện trong mục đích sáng tác, nội dung tư tưởng và những “diễn ngôn quyền lực” của các tác phẩm này.

Từ khóa: thuộc địa An Nam; bá quyền văn hóa; chủ nghĩa bá quyền Pháp

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình lịch sử cận đại, sự hiện diện và thống trị của thực dân Pháp tại Việt Nam không chỉ để lại dấu ấn sâu đậm về mặt chính trị, kinh tế mà còn tạo ra những biến đổi sâu sắc trên bình diện văn hóa và tư tưởng. Dưới danh nghĩa “sứ mệnh khai hóa”, người Pháp tự cho mình quyền áp đặt các giá trị của nền văn minh phương Tây lên các dân tộc thuộc địa, trong đó có An Nam, thông qua nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt là qua diễn ngôn văn hóa và tri thức. Chủ nghĩa bá quyền Pháp – với tư cách là một hệ hình tư tưởng chủ đạo – chi phối mạnh mẽ cách thức người Pháp nhìn nhận, mô tả và tái hiện hình ảnh xứ thuộc địa trong các tác phẩm của mình.

Cite this article as: Pham, T. T. H. (2025). The influence of French hegemony in French writings on Annam: *The art of Annam* by Henri Gourdon, *The psychology of the Annamite people* by Paul Giran, and *Notes on tonkin* by Henri Emmanuel Souvignet. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 22(10), 1802-1812. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.10.4566\(2025\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.10.4566(2025))

Các văn bản như “Nghệ thuật xứ An Nam” của Henri Gourdon, “Tâm lí dân tộc An Nam” của Paul Giran và “Bắc Kỳ tạp lục” của Henri Emmanuel Souvignet là những ví dụ tiêu biểu cho quá trình kiến tạo tri thức mang đậm dấu ấn bá quyền này. Dưới góc nhìn lí thuyết hậu thuộc địa, đặc biệt qua khung phân tích của Edward Wadie Said về phương Đông và các lí thuyết về quyền lực diễn ngôn, việc nghiên cứu những tác phẩm trên sẽ cho thấy cách thức mà quyền lực thực dân được duy trì và tái sản xuất thông qua văn hóa và tri thức.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi khảo sát những biểu hiện của chủ nghĩa bá quyền trong các tác phẩm kí viết về An Nam như *Nghệ thuật xứ An Nam* của Henri Gourdon, *Tâm lí dân tộc An Nam* của Paul Giran, *Bắc Kỳ tạp lục* của Souvignet. Những tác giả kể trên là những nhà thực dân đã từng có thời gian dài sinh sống tại xứ thuộc địa An Nam, có người từng là quan chức trong bộ máy cai trị thực dân. Tác phẩm của họ ghi chép về An Nam qua lăng kính của những nhà thực dân. Do đó, chúng tôi khảo sát những tác phẩm này nhằm tìm hiểu về diễn ngôn bá quyền Pháp thể hiện trên cái nhìn về chủng tộc An Nam qua lăng kính “người da trắng thượng đẳng” và cái nhìn văn hóa nghệ thuật An Nam qua lăng kính tư tưởng “đĩ Âu vi trung”.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Quan điểm của Edward Wadie Said về chủ nghĩa bá quyền và quan hệ giữa phương Tây và phương Đông

Hegemonia (bá quyền), theo nghĩa gốc tiếng Hi Lạp, là “lãnh đạo”, được dùng để miêu tả mối quan hệ giữa các thành bang thời Hi Lạp cổ đại. Bá quyền trong quan hệ quốc tế thường được định nghĩa là sự lãnh đạo hay sự thống trị của một cường quốc đối với một nhóm các quốc gia khác, thường là trong một khu vực. Khái niệm bá quyền mà bài viết đề cập chủ yếu là bá quyền Pháp mà cơ sở của nó là ý thức hệ bành trướng, bao gồm bành trướng lãnh thổ và bành trướng văn hóa.

Bản về bá quyền hay bá quyền văn hóa, trong công trình “Đông phương học” xuất bản năm 1998, E. W. Said viết: “Trong bất cứ xã hội không độc tài chuyên chính nào, một số hình thái văn hóa có ưu thế hơn một số hình thái văn hóa khác, cũng như một số ý tưởng có ảnh hưởng hơn một số ý tưởng khác. Gramsci gọi hình thức lãnh đạo văn học đó là bá quyền, một quan niệm cần thiết để hiểu đời sống văn hóa của phương Tây công nghiệp. (Said, 1998, p.15). Ông cho rằng kết quả của bá quyền văn hóa đã giúp cho Đông phương học có tính lâu bền và sức mạnh: “Đông phương học không thể tách rời tư tưởng châu Âu, “một khái niệm tập thể xác định những người châu Âu *chúng ta* chống lại tất cả *những người phi châu Âu*”... ý tưởng cho rằng người châu Âu ưu việt hơn tất cả các dân tộc và các nền văn hóa phi châu Âu, ngoài ra còn có bá quyền của tư tưởng châu Âu đối với phương Đông, nhấn mạnh tính ưu việt của châu Âu so với phương Đông lạc hậu”. (Said, 1998, p.15)

Trong công trình của mình, Said đã phê bình các nhà Đông phương học dùng hệ quy chiếu của mình để miêu tả, hình dung về các nền văn hóa, xã hội, lịch sử khác. Học giả phương Tây nghiên cứu phương Đông nhằm tìm lại, chứng tỏ và thể hiện bản sắc châu Âu

qua việc so sánh, đối chiếu hoặc đặt phương Đông vào cực đối diện với nền văn minh đỉnh cao của châu Âu. Với quan điểm châu Âu là đỉnh cao của nhân loại, “phương Đông hầu như là một phát minh của người châu Âu” (Said, 1998, p.9)

Thuật ngữ “chủ nghĩa bá quyền”, theo Said, bao hàm nghĩa sự thực hành, lí thuyết, và những thái độ của một trung tâm chính quốc đang cai trị một lãnh thổ ở xa. Theo ông, chủ nghĩa thực dân chính là hệ quả của chủ nghĩa bá quyền, có nghĩa là đưa người của mình đến định cư ở những lãnh thổ ở xa. Said dẫn lại quan điểm của M. Doyle khi nêu định nghĩa về chủ nghĩa bá quyền:

Bá quyền là một mối quan hệ, chính thức hoặc không chính thức, trong đó một nhà nước kiểm soát chủ quyền chính trị thực tế của một xã hội, một nền chính trị khác. Mối quan hệ này có thể đạt được bằng vũ lực, bằng sự cộng tác chính trị, bằng sự phụ thuộc kinh tế, xã hội hoặc văn hóa. Chủ nghĩa bá quyền chỉ đơn giản là quá trình hoặc chính sách thiết lập hoặc duy trì một bá quyền. (Dẫn theo Said, 2016, p.56)

Trong quyển “Văn hóa và chủ nghĩa bá quyền”, Said đề cập đến chủ nghĩa bá quyền Anh và chủ nghĩa bá quyền Pháp. Ông so sánh và đi đến những kết luận quan trọng như: Sự bành trướng là đặc điểm bao quát của chủ nghĩa bá quyền Anh và chủ nghĩa bá quyền Pháp. Bá quyền Anh và bá quyền Pháp luôn “kèn cựa” với nhau về sự ưu việt của mình. Sách giáo khoa Pháp giai đoạn giữa hai cuộc thế chiến luôn ca ngợi nền cai trị thực dân của họ ưu việt hơn so với Anh và cố gắng chứng minh sự cai trị ấy ở các thuộc địa không mang tính chất phân biệt chủng tộc như ở các thuộc địa của Anh. Tuy nhiên, chủ nghĩa bá quyền không đơn thuần chỉ là sự thống trị mà là thống trị dựa trên ý thức hệ bành trướng. Và sự bành trướng sở dĩ có thể diễn ra với một quy mô và kết quả đáng kinh ngạc như vậy là dựa trên sức mạnh quân sự, kinh tế, chính trị và văn hóa. Said đã phân tích và so sánh đặc điểm của bá quyền Anh là cách nhìn mang tính phân chia khu vực, trong khi bá quyền Pháp mang đặc điểm của phong cách cá nhân, phong cách của người Pháp trong một cuộc đồng hóa vĩ đại. Cơ sở của bá quyền Pháp thực chất là dựa trên công cuộc khảo sát địa lí của các hiệp hội địa lí với số lượng tăng lên không ngừng kể từ sau cuộc chiến tranh Pháp - Phổ (1870). Bên cạnh đó, học thuyết bá quyền Pháp được xem như một môn khoa học và sự phát triển rực rỡ của các bộ môn khoa học như xã hội học, tâm lí học, lịch sử, nhân học... cuối thế kỉ XIX cũng làm cơ sở cho học thuyết này phát triển:

Toàn bộ các vùng trên thế giới đã trở thành đối tượng của mối quan tâm liên quan đến thuộc địa của giới học giả, Raymond Betts chỉ ra rằng Tạp chí xã hội học quốc tế đã dành những khảo sát thường niên cho Madagascar năm 1900, Lào và Campuchia năm 1908; lí thuyết đồng hóa thuộc địa có tính ý thức hệ, khái niệm của Gustave Le Bon về chủng tộc nguyên thủy, chủng tộc thấp kém hơn, chủng tộc trung gian hoặc chủng tộc ưu việt, hoặc triết học của Ernest Seillère về sức mạnh thuần túy; hoặc phương pháp phân loại hệ thống thực tiễn thuộc địa của Albert Sarraut và Paul Leroy Beaulieu; hoặc nguyên tắc cai trị của Jules Harmand đã hướng dẫn những chiến lược của người Pháp. (Said, 2016, p.365)

Có thể nói các học thuyết của chủ nghĩa bá quyền Pháp đã đặt nền móng cho hàng loạt các công trình nghiên cứu thuộc địa, đồng thời các công trình nghiên cứu ấy lại là công cụ phục vụ cho việc thực hành bá quyền tại thuộc địa. Theo Said, quan hệ giữa phương Tây và phương Đông là mối quan hệ về quyền lực, về sự thống trị, về bá quyền phức tạp ở những mức độ khác nhau. Chủ nghĩa bá quyền thực thi ở An Nam thực chất là bá quyền Pháp thực thi đối với các quốc gia phương Đông mà họ cai trị. Trong đó, Đông phương học là một công cụ sắc bén và hữu hiệu, như Said đã nói trong quyển “Đông phương học”: Kiến thức về phương Đông “đặt các vấn đề của phương Đông vào trong lớp học, tòa án, nhà tù hoặc sách để xem xét kĩ, để nghiên cứu, phán xử, đưa vào kỉ cương và cai trị” (Said, 1998, p.46)

2.2. *Quan điểm về chủng tộc An Nam qua lăng kính “người da trắng thượng đẳng”*

Tư tưởng người da trắng thượng đẳng (White Supremacy) là một hệ tư tưởng cho rằng người da trắng (đặc biệt là người châu Âu) vượt trội hơn về trí tuệ, đạo đức, văn minh, và do đó có quyền thống trị, “khai hóa” các dân tộc khác – đặc biệt là những dân tộc da màu ở châu Á, châu Phi và Mĩ Latin. Theo Said, sự phân biệt cứng nhắc phương Tây và phương Đông dẫn đến sự phân cực người phương Tây và người phương Đông, làm cho ý thức về quyền lực của phương Tây đối với phương Đông được coi là điều dĩ nhiên và được thừa nhận là một chân lí khoa học (Said, 1998, p.51)

Chịu ảnh hưởng của các học thuyết công cụ, người Pháp cho rằng bá quyền Pháp có mối liên hệ với bản sắc dân tộc Pháp, với sự ưu tú của người Pháp. Said cho rằng: Lí thuyết đồng hóa thuộc địa có tính ý thức hệ, khái niệm của Gustave Le Bon về chủng tộc nguyên thủy, chủng tộc thấp kém hơn, chủng tộc trung gian hoặc chủng tộc ưu việt đã cung cấp cho thực dân Pháp công cụ để thực hành chủ nghĩa bá quyền tại thuộc địa. Trong công trình “Những quy luật tâm lí về sự tiến hóa của các dân tộc”, Gustave đã chỉ trích tư tưởng bình đẳng giữa người và người, giữa chủng tộc này với chủng tộc khác. Ông cho rằng cấu tạo cơ thể học có liên hệ với cấu trúc bộ óc và trình độ tiến hóa của chủng tộc. Bên cạnh sự phân loại cơ thể học, Gustave còn phân loại thứ bậc tâm lí của các chủng tộc. Ông phân chia các chủng tộc thành chủng tộc nguyên thủy, chủng tộc hạ đẳng, chủng tộc trung gian và chủng tộc thượng đẳng. Ông cũng phân tích những lí do mà một dân tộc hạ đẳng không thể tiếp thu nền văn minh của một dân tộc thượng đẳng. Về chủng tộc thượng đẳng, ông viết:

Chỉ có những dân tộc Ấn - Âu mới được xếp vào nhóm các chủng tộc thượng đẳng. Kể cả thời cổ đại, vào thời kì của những người Hi Lạp và La Mã, cũng như trong thời hiện đại, đó là những chủng tộc duy nhất có những phát minh vĩ đại trong nghệ thuật, khoa học, và kĩ nghệ. Chính nhờ những chủng tộc này mà nền văn minh ngày nay đã đạt tới được trình độ cao. Chính họ đã phát hiện ra sức mạnh của hơi nước và điện. Ngay cả chủng tộc kém phát triển nhất của các chủng tộc thượng đẳng này, đặc biệt là người Ấn Độ, cũng đạt được trình độ cao trong nghệ thuật, văn học, và triết học mà người Mông Cổ, Trung Quốc, và người Sêmit chưa bao giờ đạt tới. (Gustave, 2019, pp.41-42)

Lí thuyết của Gustave Le Bon rõ ràng đã cung cấp một học thuyết công cụ cho chủ nghĩa bá quyền Pháp, cung cấp cho người châu Âu thượng đẳng một hệ quy chiếu để hình

dung về các chủng tộc thuộc địa. Tư tưởng “người da trắng thượng đẳng về mọi mặt” khiến cho thực dân Pháp có cơ sở để tự cho rằng mình có sứ mệnh khai hóa đối với thuộc địa mà mục đích chính đằng sau đó chính là đẩy người bản xứ ra khỏi khu vực sinh sống của họ và chiếm đoạt đất đai và các tài nguyên khác. Thực dân Pháp dùng đến vũ lực và các biện pháp tàn bạo khi cần thiết. Đối với các dân tộc thuộc địa, chủ nghĩa bá quyền đưa ra cho họ hai lựa chọn: phục vụ hoặc bị tiêu diệt. Sự phân biệt chủng tộc thể hiện ở nhiều khía cạnh và mức độ khác nhau. Đằng sau tư tưởng phân biệt chủng tộc là diễn ngôn bá quyền văn hóa thể hiện ở sự tôn vinh chủng tộc và văn hóa châu Âu, thiếu tôn trọng nguồn gốc chủng tộc thuộc địa, phủ định những thành tựu của người bản địa và sự đa dạng văn hóa.

Sự phân biệt chủng tộc chính là diễn ngôn quyền lực của chủ nghĩa bá quyền ngay tại xứ thuộc địa. Cơ sở của phân biệt chủng tộc là tư tưởng *Người da trắng thượng đẳng*, một hệ tư tưởng phân biệt chủng tộc dựa vào niềm tin rằng người da trắng cao cấp hơn, ưu việt hơn so với những người từ các chủng tộc khác và vì thế dân da trắng nên cai trị về mặt chính trị, kinh tế và xã hội những người da màu. Trong tác phẩm *Tâm lí dân tộc An Nam*, Paul Giran chịu ảnh hưởng sâu sắc của Gustave khi miêu tả tâm lí dân tộc An Nam. Tác phẩm thể hiện tinh thần phân biệt chủng tộc nặng nề, những nhận định vô căn cứ về chủng tộc An Nam, trong đó có những đoạn hết sức chủ quan và có thể coi là hành động bôi nhọ, xúc phạm, như “người An Nam không có khả năng cảm nhận những tình cảm quá phức tạp”, “tình thương yêu đồng loại, biểu hiện của lòng trắc ẩn và bác ái, là những đức tính ít khi thấy hành xử ở An Nam”, “biếng nhác là tình trạng bình thường, năng động mới là điều bất thường”... Điều này phù hợp với quan điểm của Gustave khi cho rằng “đằng sau những thiết chế, nghệ thuật, tín ngưỡng và những xáo trộn chính trị của mỗi dân tộc, có một số đặc tính tinh thần và trí tuệ đã quyết định sự tiến hóa của dân tộc. Đó là toàn bộ những đặc tính hợp thành tâm hồn của một chủng tộc” (Gustave, 2019, p.21). Paul cho rằng chủng tộc An Nam là kết quả lai tạp những đặc điểm di truyền của Trung Hoa và Mã Lai, nhưng tính cách người An Nam lại do yếu tố khí hậu quyết định: “Tính ngang bướng của dân du mục Mông Cổ, tính thích gây gỗ và bạo lực của người Mã Lai đáng lẽ được biểu hiện ở người An Nam do được di truyền từ hai nhóm đó, nhưng dưới tác động đáng kinh ngạc của khí hậu, lại hoà tan thành một bản chất dửng dưng, bình thản, đơn giản là thờ ơ”. (Giran, 2019, p.61)

Theo lí thuyết của Gustave Le Bon, tính cách và sự tiến hóa của mỗi dân tộc được quyết định bởi các đặc tính tâm lí chung, và sự phát triển của các nền văn minh dựa trên sự phân chia giữa các chủng tộc:

Những đặc tính tinh thần và trí tuệ mà sự kết hợp của chúng tạo nên tâm hồn của một dân tộc, là tổng hợp của toàn bộ quá khứ, là thừa kế của tất cả tổ tiên, những động cơ hành xử của dân tộc đó. Chúng rất đa dạng trong các cá nhân thuộc một chủng tộc; nhưng quan sát chứng minh rằng phần lớn cá nhân của chủng tộc đó luôn sở hữu một số nhất định các đặc tính tâm lí chung và chúng cũng ổn định như các đặc tính giải phẫu cho phép phân loại loài. Cũng giống như đặc tính giải phẫu, các đặc tính chất tâm lí được tái tạo thường xuyên và không thay đổi bởi di truyền. (Gustave, 2019, p.22)

Paul Giran sinh ngày 2 tháng 12 năm 1875 ở Nîmes. Ông học Trường Thuộc địa ở Pháp, rồi được bổ đi làm việc cho Phủ Toàn quyền ở Đông Dương năm 1899. Đến năm 1901 ông giữ chức Tham biện, phụ trách công việc hành chính dân sự ở Phủ Toàn quyền. Khoảng từ năm 1907, ông được bổ đi làm Phó Công sứ một số nơi ở Bắc Kỳ, trong đó có Kiến An. Tới năm 1913, ông được thăng chức Công sứ Phan Rang. Cuối cùng, ông được bổ làm Ủy viên chính phủ ở Viêng Chăn (Lào) và giữ chức này tới năm 1921. Dưới cái nhìn của ông quan thực dân đi cai trị, người An Nam hiện lên qua những phác thảo méo mó có tính chất diễn ngôn quyền lực và sắc tộc. Cùng quan điểm với Gustave, ông viết: “Về phương diện tinh thần cũng như thể chất, tồn tại những khác biệt không thể khắc phục giữa các chủng tộc, chúng ngăn họ kết thân và hiểu nhau. Hai cá nhân có thể nói cùng một ngôn ngữ, nhưng họ sẽ mãi là những kẻ xa lạ với nhau nếu họ không cùng nguồn gốc”. (Giran, 2022, p.11)

Cần nói rõ ngay từ đầu rằng chúng tôi không phê phán hay đánh giá tác giả chỉ thông qua một cuốn sách. Chúng tôi chỉ phân tích những tư tưởng mà tác giả đã thể hiện qua tác phẩm của mình, và đánh giá mức độ ảnh hưởng cũng như sự thực hành chủ nghĩa bá quyền Pháp thông qua những gì tác giả ghi chép về con người Việt Nam. Cảm nhận đầu tiên của người đọc khi đọc cuốn *Tâm lí dân tộc An Nam* của Paul Giran là tác phẩm nặng tư tưởng phân biệt chủng tộc, dẫn đến cái nhìn thực dân phiến diện, đầy định kiến đối với người bản địa. Ông đứng trên lập trường kì thị chủng tộc để xem xét, phê phán không chỉ dân tộc An Nam mà cả người Trung Hoa và người châu Á - chủng tộc da vàng nói chung. Những công trình nghiên cứu về thuộc địa của người Pháp nhằm củng cố nền cai trị thực dân của họ thông qua việc phác hoạ chân dung người An Nam là một chủng tộc hèn kém, lười nhác, háms lợi; xứ An Nam là một xứ sở xa xôi, lạc hậu, dã man. Những miêu tả đầy định kiến này không nằm ngoài mục đích biến người bản địa và sức lao động của họ thành một món hàng hóa. Người Pháp lí giải những tính xấu ở người An Nam là do chủng tộc và môi trường sống quy định. Và việc xoáy sâu miêu tả người An Nam hung hăng, dễ bị kích động chẳng qua nhằm mục đích “bung bít những sự kiện lịch sử thực sự, làm biến mất những sự kiện mang tính phản kháng của dân tộc thuộc địa” (Said, 2016, p.320)

Tư tưởng người da trắng thượng đẳng chính là nền tảng tư tưởng cho các chiến dịch thuộc địa hóa, khai hóa và đồng hóa văn hóa trong suốt thế kỉ XIX – XX. Hậu quả của nó kéo dài đến tận ngày nay trong các định kiến chủng tộc, diễn ngôn quyền lực và cấu trúc bất bình đẳng toàn cầu. Tư tưởng phân biệt chủng tộc vừa là chỗ dựa để thực thi chủ nghĩa bá quyền Pháp tại xứ thuộc địa, đồng thời cũng là lăng kính miêu tả chủng tộc thuộc địa nhằm khuếch đại sự lạc hậu và những thói xấu của dân tộc bản xứ so với trình độ phát triển khoa học kĩ thuật của mẫu quốc nói riêng và phương Tây nói chung. Ngoài ra, những miêu tả đầy định kiến về chủng tộc thuộc địa còn nhằm củng cố vai trò của người Pháp đối với thuộc địa và thủ tiêu tinh thần dân tộc tự cường ở các nước thuộc địa.

2.3. *Quan điểm về văn hóa nghệ thuật An Nam qua lăng kính tư tưởng “dĩ Âu vi trung”*

“Dĩ Âu vi trung” là lấy châu Âu làm trung tâm, lấy các giá trị văn hóa, tri thức, mô hình tổ chức xã hội của phương Tây làm chuẩn mực cho sự tiến bộ, văn minh. Đây là một hình thức của chủ nghĩa Âu tâm (Eurocentrism) áp dụng vào bối cảnh Đông Á, trong đó bao gồm Việt Nam thời thuộc địa. Nội dung chính của tư tưởng dĩ Âu vi trung là xem châu Âu là đỉnh cao văn minh, hạ thấp mọi giá trị truyền thống và nền văn minh phương Đông. Đầu tiên là trên phương diện văn hóa. Trong công trình nghiên cứu *Văn hóa và chủ nghĩa bá quyền*, Said đặc biệt đề cao mối quan hệ giữa văn hóa và chủ nghĩa bá quyền. Ông cho rằng văn hóa châu Âu là chỗ dựa của trải nghiệm bá quyền trên hầu hết các khía cạnh. Ông định nghĩa:

Văn hóa là tất cả những sự thực hành, chẳng hạn các môn nghệ thuật về mô tả, truyền thông và biểu đạt vốn đứng tương đối độc lập với các địa hạt kinh tế, xã hội và chính trị, và chúng thường tồn tại dưới những mục đích chính là đem đến sự khoái thú. Văn hóa là một kiểu sân khấu với các loại chính nghĩa chính trị và ý thức hệ đan quện nhau... Văn hóa thậm chí có khi là một chiến địa để các phe chính nghĩa công khai chống lại nhau. (Said, 2016, p.12).

Said tiến hành phân tích các tác phẩm văn học, chủ yếu là tiểu thuyết viết về các thuộc địa châu Phi, Ấn Độ, Algeria... và đề cập những hình thái khác nhau của mối quan hệ này. Hình tượng nhân vật trong tiểu thuyết là nhà thực dân đứng ở trung tâm của vương quốc do anh ta cai trị. Tiểu thuyết đưa các thuộc địa lên tầm bản đồ bá quyền, đặt các thuộc địa vào trong lịch sử có thể thuật lại được theo cách khái quát chung chung về mặt thời gian. Hành động bá quyền đó là dùng sức mạnh để kéo về phía mình hầu như toàn bộ thế giới. Những bối cảnh trong tiểu thuyết không thuộc châu Âu mà nằm ở ngoại vi. Hiện thực trong tác phẩm là một hiện thực mang tính ý thức hệ bá quyền hoặc có xu hướng đàn áp... (Said, 2016, p.356). Said đã phân tích những khía cạnh bá quyền của mỗi tác giả, ông gọi đó là chủ nghĩa bá quyền vô thức, khi nhà văn bị mắc kẹt trong tình thế khó xử, khi họ không chủ tâm tạo nên một thế đối lập nhưng vẫn giữ trong mình tư tưởng về những dân tộc thượng đẳng, những người có nhiệm vụ khai sáng những dân tộc khác. Các nhà nghiên cứu xứ thuộc địa cũng chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa bá quyền vô thức.

Đứng ở góc độ này mà xét, Henri Emmanuel Souvignet là một trường hợp như vậy. Vốn là thành viên Hội Thừa Sai hải ngoại, là một nhà nghiên cứu đồng thời cũng là nhà truyền giáo, ông có hơn 40 năm sống và làm việc tại miền Bắc Việt Nam. Cuốn *Bắc Kỳ tạp lục* xuất bản năm 1903 là một công trình nghiên cứu đồ sộ về mọi mặt trong đời sống của người An Nam lúc bấy giờ, từ ngôn ngữ, văn tự, giáo dục, khoa cử, lịch sử, địa lí, tôn giáo, tín ngưỡng, hành chính, quan chế, thuế khóa cho đến phong tục tập quán... Công trình thể hiện sự am hiểu sâu sắc của tập thể tác giả đối với con người và xứ sở An Nam. Bên cạnh những khảo cứu công phu, khách quan và toàn diện, chúng ta cũng tìm thấy trong công trình những tình cảm nhất định của một nhà truyền giáo đã có thời gian dài sống và làm việc ở thuộc địa. Tuy nhiên, công trình vẫn hướng đến độc giả là những người đi chiếm đóng và cai trị, cung cấp cho họ những thông tin hữu ích về đối tượng bị trị, cho nên nó được xem là “cầm nang” cho người Pháp khi đến một xứ sở xa lạ để thực hiện nhiệm vụ “khai hóa”. Một

cách vô thức, người An Nam trong mắt Henri Emmanuel Souvignet cũng là những “dã nhân mông muội”. Đã có không ít những nhận xét châm biếm xuất hiện trong tác phẩm: “Về lí tưởng ư? Mời bạn quan sát một người An Nam đã đạt đến trạng thái mãn nguyện! Hãy xem họ thoả mãn đến thế nào khi đưa toàn bộ chiều dài các móng tay nhẹ lướt xoa bụng mình. Than ôi! Cái lí tưởng của họ thường chỉ dừng lại ở đó thôi. (Souvignet, 2019, p.61). “Quý sứ sống được chẳng qua cũng chính nhờ sự ngu dốt của con người mà thôi”. (Souvignet, 2019, p.217).

Vậy có cần nói một chút về phương pháp dạy học này không? Nó chẳng khác gì so với phương pháp mà ta thấy được áp dụng tại hầu hết các dân tộc châu Á và châu Phi. Học trò ngồi thành nhóm trước mặt thầy, và như thế, cả hai bên đều cố gắng gào to hết cỡ... Rồi thầy giáo tiếp cận từng học trò và chữa bài giữa tiếng ồn ào đó, quát vài roi nếu học trò đó mắc lỗi thư pháp hoặc giải nghĩa. (Souvignet, 2019, p.64)

Nói về nền văn hóa của xứ An Nam, nhà thực dân luôn có cái nhìn đối sánh “trước khi người Pháp đến” và “sau khi người Pháp đến”, nhằm nhấn mạnh vai trò và công khai hóa của Pháp. Theo họ, nhờ có người Pháp, nền văn hóa An Nam mới lấy lại được bản sắc và thoát khỏi sự ảnh hưởng lâu đời của văn hóa Trung Hoa:

Sự can thiệp của người Pháp và sự tiến bộ của tư tưởng hiện đại đã tạo ra những thay đổi sâu sắc. Các kì thi bị bãi bỏ, hệ thống trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông được mở ra trên khắp nước, việc giảng dạy được thực hiện bằng tiếng An Nam và tiếng Pháp... Như vậy, kể từ bây giờ, An Nam được trả lại nền văn hóa riêng, đồng thời bắt đầu tiếp cận với văn hóa phương Tây. (Courdon, 2020, p.20)

Tuy nhiên đó là sự quan sát đứng từ góc nhìn của thực dân cai trị. Từ góc nhìn của người dân bị cai trị, đó là đàn áp, là đồng hóa, là nô dịch về văn hóa. Mục đích của những chính sách đó là nhằm nô dịch tinh thần quần chúng, biến quần chúng thành những đám đông tự ti, khiếm nhược trước sức mạnh của văn minh đại Pháp, thủ tiêu tinh thần dân tộc. Sự tiếp thu tự nguyện, dù có, cũng không phải là xu hướng chủ đạo trong thời kì lịch sử này. Áp đặt và mong muốn nô dịch về văn hóa đối với cư dân thuộc địa chính là cách mà chủ nghĩa thực dân thực hiện bá quyền văn hóa, thống trị hoặc “mô tả những lãnh thổ theo cách hình dung của những kẻ chiếm đóng có quyền lực chứ không theo cách hình dung của những cư dân thụ động” (Said, 2016, p.356). Kết quả thì như chúng ta đã thấy, người Pháp không dễ tách rời văn hóa An Nam ra khỏi văn hóa truyền thống của họ, không thể cắt đứt hoàn toàn mối liên hệ của văn hóa An Nam với văn hóa Trung Hoa vốn đã ảnh hưởng lên nó hàng nghìn năm. Mặc dù đã “rũ bỏ nền văn minh hiện đại để khoác lên mình bộ da của người Á Châu già nua mà họ muốn tìm hiểu” (Giran, 2020, p.19), họ vẫn vấp phải những khó khăn trong công cuộc đồng hóa và thừa nhận thất bại. Gustave Le Bon lí giải thất bại ấy là do nguồn gốc chủng tộc chứ không nhìn nhận những nỗ lực chống đồng hóa của dân tộc An Nam và sức mạnh nội tại của văn hóa truyền thống trước sự xâm lược của một nền văn minh ngoại lai xa lạ.

Nền văn học An Nam trong mắt người Pháp hầu như không tồn tại độc lập mà gắn chặt với văn học Trung Hoa, là sự rập khuôn, phản chiếu và tiếp nối các truyền thống của văn học Trung Hoa. Do đó khi tìm hiểu về văn học An Nam, họ không tách khỏi nền văn học Trung Quốc để xem xét. Paul Giran viết: “Chúng tôi không nói văn chương An Nam không tồn tại để ta có thể đề cập, mà nói, người An Nam cảm thấy hài lòng với kinh điển Trung Hoa, phần lớn đủ cho nhu cầu trí tuệ của họ.” (Giran, 2019, p.125). Nhưng ông cũng tỏ thái độ coi thường văn chương Trung Hoa: “Nó (chỉ văn chương Trung Hoa) rộng lớn, không nghi ngờ gì; số lượng các tác phẩm của nó là phi thường; nhưng giá trị thì mỏng manh, giống như tâm trí không rộng lớn”. (Giran, 2019, p.125)

Giran cũng dẫn ra những nhận định của những nhà nghiên cứu khác nhằm tạo sức thuyết phục cho lập luận của mình, trong đó có những nhận định rất trịch thượng và xem thường văn hóa bản địa:

Bất cứ khi nào một anh thư lấp đầy khuôn với những đuôi vắn và cho một nghĩa với các từ “lien”, “pien”, “tien”, nó kết thúc câu thơ, hoàng đế và triều đình choáng người phần khích. Họ hét lên vì sung sướng. Đảo chữ, thơ chữ đầu, thơ nối kết, thơ đối và thơ nghịch đảo được đặc biệt coi trọng; các ngón nghề kĩ xảo của những kẻ điên rồ phù phiếm mà châu Âu đã tống khứ khỏi văn chương như trò trẻ ngây ngô và không xứng với những người nghiêm túc. (Giran, 2019, p.126)

Có thể thấy tác giả đã nhận xét về văn chương Trung Hoa và văn chương Việt Nam bằng những từ ngữ và lời lẽ châm biếm, với một thái độ coi thường và phủ nhận sạch trơn. Bằng cách so sánh với văn chương nghệ thuật phương Tây, ông đã phủ nhận hoàn toàn mọi giá trị của văn học nghệ thuật Trung Hoa và Việt Nam. Ông cho rằng truyện thơ bình dân Việt Nam, cụ thể là tác phẩm Lục Vân Tiên, “có bút pháp kịch nghệ tầm thường, chề ca dao Việt Nam là những bài hát khá thô, giá trị rất kém”; nhận xét kịch nghệ An Nam “khác xa sân khấu châu Âu của chúng ta, trong giai đoạn sơ khai khi múa vũ bộ điệu, âm nhạc và thơ ca còn lẫn lộn”. Ông đưa ra những nhận định sơ sài đầy tính chủ quan, và đôi khi, hoàn toàn nhầm lẫn, ví dụ như nhầm lẫn câu đối mà người An Nam treo trên cửa và tường nhà thành tục ngữ. Điều đó thể hiện cái nhìn phiến diện của một học giả phương Tây chưa có sự nghiên cứu toàn diện và hiểu biết đầy đủ về những nền văn học mà mình đang phê bình.

Thông qua công trình nghiên cứu, Giran cũng có một vài nhận định tương đối xác đáng về tính cách con người An Nam như rập khuôn, thiếu sáng tạo; nền giáo dục An Nam còn thô sơ vì số lượng người được giáo dục bị hạn chế, chưa coi trọng khoa học kĩ thuật... Nhiều nhà nghiên cứu cũng có nhận định tương tự về nền văn hóa, giáo dục, khoa cử An Nam như thơ ca, lịch sử, thiên văn, triết học và đạo đức, tất cả đều dựa theo Trung Quốc; việc học hành của các Nho sinh được kiểm chứng bằng các cuộc thi văn rập khuôn theo những cuộc thi ở Trung Quốc... Tuy nhiên, bên cạnh những nhận xét khách quan, đa phần lời lẽ phê phán của Giran khá nặng nề. Ông hầu như chỉ chú ý đến mặt tiêu cực cho dù là viết về phương diện nào.

Thực dân Pháp luôn có chính sách tìm hiểu thuộc địa một cách có hệ thống, triển khai đồng bộ trên mọi phương diện. Đầu thế kỉ XX, dưới sự chủ trì của Albert Maybon, tủ sách *Nghệ thuật xứ thuộc địa* đã được xây dựng nhằm nghiên cứu một cách hệ thống và bao quát về nghệ thuật của cư dân sinh sống tại các vùng đất từ Đông Dương đến Madagascar, Bắc Phi, Syria... Quyển *Nghệ thuật xứ An Nam* của Henri Gourdon là một trong số đó. Hay như quyển *Bắc Kỳ tạp lục* của Henri - Emmanuel Souvignet được thiết kế như một cẩm nang nhắm tới độc giả Pháp. Đó là một công trình khảo cứu công phu và nghiêm túc mọi phương diện đời sống xã hội An Nam từ ngôn ngữ, văn hóa, giáo dục, khoa cử, lịch sử, địa lí, hành chính, tổ chức xã hội, phong tục tập quán... Người đi cai trị cần có những cẩm nang như thế để dễ dàng hòa nhập và thích nghi với đời sống của người dân thuộc địa. Có thể thấy bá quyền văn hóa được hậu thuẫn bởi hàng loạt các chính sách thâm nhập vào đời sống thuộc địa - vốn là “cái khác” đối với những người đi cai trị. Đúng như nhận định của Said, mục đích chính trị của các học giả (nhưng cũng thường là quan chức trong bộ máy cai trị của thực dân), trong quá trình nghiên cứu về phương Đông là nhằm phục vụ cho việc cai trị của thực dân, thể hiện mối quan hệ quyền lực trong quá trình kiến tạo ra tri thức về các quốc gia thuộc địa ở châu Á, châu Phi và Mĩ Latin của thực dân châu Âu.

Tóm lại, xuất phát từ điểm nhìn là văn hóa châu Âu thượng đẳng, luôn lấy thành tựu văn minh nghệ thuật và khoa học của châu Âu làm chuẩn mực, nền văn hóa nghệ thuật bản địa không được công nhận đúng như bản chất của nó mà thậm chí còn bị hạ bệ, bóp méo, phủ định sự tồn tại và những thành tựu đạt được. Những công trình khảo cứu thuộc địa của người Pháp thể hiện sự nỗ lực tạo ra những công cụ phục vụ cho người Pháp trong việc thực hiện bá quyền của họ đối với xứ thuộc địa.

3. Kết luận

Bá quyền văn hóa đề cập sự thống trị mang tính chất hệ tư tưởng hoặc những quy tắc được duy trì thông qua các phương tiện tư tưởng hoặc văn hóa. Bá quyền văn hóa được thực thi trong những thể chế xã hội cho phép những người nắm quyền lực có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các giá trị quan, thế giới quan và hành vi của những người bị cai trị. Bá quyền văn hóa, dù trong bất kì trường hợp nào, cũng phải được hậu thuẫn bởi sự vượt trội về quyền lực vật chất và tư tưởng về chủng tộc ưu việt. Có thể nói, chủ nghĩa bá quyền chỉ đạo các chính sách của người Pháp ở An Nam, từ chính sách văn hóa đến kinh tế, chính trị. Các tác phẩm viết về xứ An Nam giai đoạn này nặng về tính chất khảo cứu, nhằm mục đích cung cấp những thông tin cần thiết cho người Pháp trong công cuộc định cư, tiếp xúc với người An Nam và công cuộc thực dân hóa của họ. Các tác giả cũng là những nhà cai trị thực dân, nhà văn, nhà truyền giáo... chịu ảnh hưởng sâu sắc của chủ nghĩa bá quyền Pháp. Do đó, tác phẩm của họ dù vô tình hay hữu ý, dù viết về lĩnh vực nào, đều mang đậm tính phân biệt chủng tộc và tư tưởng Âu châu trung tâm luận. Mặc dù vậy, những công trình khảo cứu của người Pháp về An Nam cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX vẫn là nguồn tư liệu tham khảo quý giá cho các nghiên cứu khoa học liên ngành.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Gourdon, H. (2020). *Nghệ thuật xứ An Nam [Art of An Nam]*. (Trans. Truong, Q. T.). World Publishing House.
- Gustave, L. B. (2019). *Những quy luật tâm lí về sự tiến hóa của các dân tộc [The psychological laws of the evolution of nations]*. (Trans. Nguyen, T. V.). World Publishing House.
- Giran, P. (2019). *Tâm lí dân tộc An Nam [The psychology of the Annamite people]*. (Trans. Phan, T. D.). Writers' Association Publishing House.
- Giran, P. (2020). *Phù thuật và tín ngưỡng An Nam [Magic and religious beliefs in An Nam]*. (Trans. Hieu, C.). World Publishing House.
- Said, E. W. (1998). *Đông phương học [Orientalism]*. (Trans. Luu, D. H, Pham, X. R., Tran, V. T.). National Political Publishing House.
- Said, E. W. (2016). *Văn hóa và chủ nghĩa bá quyền [Culture and hegemony]*. (Trans. Pham, A. T., An, K.). Knowledge Publishing House.
- Souvignet, H. E. (2019). *Bắc Kỳ tạp lục [Notes on Tonkin]*. (Trans. Pham, V. T.). Writers' Association Publishing House.

THE INFLUENCE OF FRENCH HEGEMONY IN FRENCH WRITINGS ON ANNAM: THE ART OF ANNAM BY HENRI GOURDON, THE PSYCHOLOGY OF THE ANNAMITE PEOPLE BY PAUL GIRAN, AND NOTES ON TONKIN BY HENRI EMMANUEL SOUVIGNET

Pham Thi Thuy Hang

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding author: Pham Thi Thuy Hang – Email: hangpth@hcmue.edu.vn

Received: March 21, 2025; Revised: July 07, 2025; Accepted: October 28, 2025

ABSTRACT

The French presence in Annam from 1858, along with the subsequent occupation and colonization of Cochinchina during the latter half of the nineteenth century, constitutes a pivotal historical event. The French perceived themselves as representatives of the superior French civilization, entrusted with a civilizing mission to bring enlightenment to what they regarded as a “backward” people. French hegemony functioned as a guiding ideological framework that underpinned all activities conducted by the French in colonial Annam. This article, grounded in the theoretical perspectives of hegemony and cultural hegemony articulated by Edward Wadie Said, undertakes an analysis of the manifestations of French hegemonic discourse in several writings by French authors on Annam from the late nineteenth to the early twentieth century. Through this analysis, we argue that French hegemonic ideology, whether consciously or unconsciously, profoundly shaped the creative intentions, ideological content, and “discourses of power” embedded within these works.

Keywords: An Nam colony; cultural hegemony; French hegemony